TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 1580/2026/DS-PT Ngày: 19/8/2026 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Dung

Các Thẩm phán: Ông Uông Văn Tuấn

Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Mạnh Thị Tú Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1035/2026/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2026/DS-ST ngày 20/4/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4384/2026/QĐ-PT ngày 13/7/2026 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 **(nay là Ngân hàng Thương mại cổ phần S2)**.

Địa chỉ trụ sở: Số D đường N, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Công M** – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Pháp nhân nhận ủy quyền: Công ty TNHH Một thành viên Q nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng S1;

(Theo Giấy ủy quyền số 3815/2024/GUQ-PC ngày 10/12/2024).

Pháp nhân ủy quyền lại cho bà **Võ Thị Quỳnh D**, sinh năm 1989. (có mặt)

Địa chỉ: Tầng A, 2 đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền 2863.2026.UQ-SACOMBANK.SBA)

Bị đơn: Bà **Bạch Kim T**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số D đường T, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông **Nguyễn Nam S**, sinh năm 1967. (có mặt)

Địa chỉ: Số A H, Khu phố B, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số công chứng 04571 ngày 30/12/2025 lập tại Văn phòng C).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2025, Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 04/02/2026, các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 nay là Ngân hàng Thương mại cổ phần S2 trình bày:

Ngày 27/05/2010, bà Bạch Kim T có ký với Ngân hàng Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 100.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.15%/tháng (lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 91.880.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 56.911.000 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 16/10/2011 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ của bà T còn thiếu tại thời điểm này là 61.054.363 đồng sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và áp dụng lãi suất là 2.15%/ tháng trên số tiền nợ quá hạn này nhân 150%.

Do bà T vi phạm Hợp đồng đã ký, trong quá trình thu hồi nợ bà T không có thiện chí thanh toán nợ vay quá hạn nên Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 24/11/2025 là 382.393.531 đồng. Trong đó, nợ gốc là 61.054.363 đồng; Nợ lãi quá hạn là 321.339.168 đồng. Ngoài ra, bà T còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 25/11/2025 cho đến khi thanh toán toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng.

Ngày 04/02/2026, Ngân hàng đã có "Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện". Theo đó, Ngân hàng chỉ yêu cầu bà T phải trả ngay làm một lần số tiền nợ gốc là 61.054.363 đồng và nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 29/01/2025 là 80.006.627 đồng. Tổng cộng là 141.060.990 đồng. (Bằng chữ: Một trăm bốn

mươi mốt triệu không trăm sáu mươi nghìn chín trăm chín mươi đồng). Trường hợp bà T không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn thì bà T phải chịu thêm tiền lãi chậm thi hành án đối với số tiền còn nợ.

Bị đơn bà Bạch Kim T có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Nam S trình bày:

Theo trình bày của phía nguyên đơn thì sau khi được cấp thẻ tín dụng bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 91.880.000 đồng (Chín mươi mốt triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng). Bà T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 56.911.000 đồng (Năm mươi sáu triệu chín trăm mười một ngàn đồng). Do bà T có khó khăn về kinh tế nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng. Do vậy, Ngân hàng đã đơn phương chấm dứt việc sử dụng thẻ tín dụng của bà T vào ngày 16/10/2011 và tiến hành khởi kiện bà T vào ngày 05/12/2025 để yêu cầu bà T phải trả tiền vay gốc, tiền lãi quá hạn, với số tiền 382.393.531.đồng, trong đó dư nợ gốc: 61.054.000 đồng; Lãi quá hạn: 321.339.168 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, bà T đồng ý trả nợ gốc với số tiền 61.054.000 đồng ngay một lần cho Ngân hàng. Riêng đối với số tiền nợ lãi quá hạn 321.339.168 đồng, bà T yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để bác yêu cầu này của Ngân hàng vì đã quá thời hạn 03 (ba) năm kể từ khi Ngân hàng biết quyền lợi của mình bị xâm phạm (chấm dứt việc sử dụng thẻ tín dụng của bà T vào ngày 16/10/2011) Ngân hàng mới tiến hành khởi kiện. Do vậy, Ngân hàng chỉ có quyền yêu cầu Tòa án buộc phía bà T trả số tiền nợ gốc còn lại là: 61.054.000 đồng. Đề nghị xác định quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là "Đòi tài sản".

Ngày 04/02/2026, Ngân hàng đã có "Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện". Tuy nhiên, Ngân hàng vẫn yêu cầu bà T trả lãi quá hạn với số tiền là 80.006.627 đồng. Đối với yêu cầu này, bà T tiếp tục đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để bác yêu cầu này của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn xác định yêu cầu hiện nay của bên nguyên đơn đối với bị đơn bà Bạch Kim T là "Đòi tài sản". Số tiền hiện nay yêu cầu bị đơn phải trả là 141.060.990 đồng (Một trăm bốn mươi mốt triệu không trăm sáu mươi nghìn chín trăm chín mươi đồng), trong đó: Nợ gốc là 61.054.363 đồng, nợ lãi quá hạn là 80.006.627 đồng. Yêu cầu bị đơn phải thanh toán làm một lần khi có bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Bị đơn có trách nhiệm thanh toán khoản tiền chậm trả theo quy định pháp luật tại thời điểm thi hành án trong trường hợp bị đơn không thanh toán đủ số tiền 141.060.990 đồng. Ngân hàng vẫn giữ nguyên việc rút bớt một phần yêu cầu khởi kiện so với đơn khởi kiện ngày 05/12/2025, cụ thể tại đơn khởi kiện ngày 05/12/2025 Ngân hàng yêu cầu bị đơn trả số tiền 382.339.531 đồng, trong đó nợ gốc là 61.054.363 đồng, nợ lãi quá hạn là 321.339.168 đồng. Ngày 04/02/2026, Ngân hàng có Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần lãi quá

hạn; số tiền lãi quá hạn yêu cầu hiện nay là 80.006.627 đồng. Như vậy, Ngân hàng rút một phần lãi quá hạn với số tiền là 241.332.541 đồng.

Bị đơn bà Bạch Kim T có người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Nam S trình bày: Bị đơn đồng ý trả nợ gốc số tiền nợ gốc là 61.054.000 đồng. Số tiền nợ lãi quá hạn 80.006.627 đồng bị đơn không đồng ý trả cho nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 429 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để bác một phần yêu cầu khởi kiện về nợ lãi quá hạn với số tiền là 80.006.627 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2026/DS-ST ngày 20/4/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 367*; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Căn cứ vào khoản 2, Điều 149; Điều 429; Điều 335; Điều 336; Điều 338; khoản 1 Điều 342; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 ngày 14/11/2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1:

Buộc bà Bạch Kim T phải trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 tổng số tiền nợ gốc là 61.054.363 đồng (Sáu mươi mốt triệu, không trăm năm mươi bốn nghìn, ba trăm sáu mươi ba đồng) theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 27/5/2010, loại thẻ tín dụng quốc tế S3 visa, số tài khoản thẻ: 3532193681.

2. Không chấp nhận một phần yêu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 về việc buộc bà Bạch Kim T thanh toán số tiền nợ lãi quá hạn là 80.006.627 đồng (Tám mươi triệu, không trăm lẻ sáu nghìn, sáu trăm hai mươi bảy đồng) do đã hết thời hiệu khởi kiện.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi đối với số tiền 241.332.178 đồng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 rút yêu cầu.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau đó, nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Võ Thị Quỳnh D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu buộc bà Bạch Kim T thanh toán số tiền nợ lãi quá hạn cho Ngân hàng là 80.006.627 đồng.

Bị đơn bà Bạch Kim T có người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Nam S trình bày: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm như sau:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 kháng cáo đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu buộc bà Bạch Kim T thanh toán khoản tiền lãi quá hạn 80.006.627 đồng. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, đã có hiệu lực pháp luật theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1:

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện ngày 27/5/2010, bà Bạch Kim T ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1, hạn mức tín dụng 100.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 91.880.000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 56.911.000 đồng. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 16/10/2011, Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu của bà T là 61.054.363 đồng sang nợ quá hạn.

Như vậy, kể từ ngày 16/10/2011, Ngân hàng đã xác định bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng và cũng từ thời điểm này Ngân hàng biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Đến ngày 05/12/2025, Ngân hàng mới khởi kiện bà T tại Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án và trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, phía bị đơn đã có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi của Ngân hàng.

Theo Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.

Khoản tiền lãi quá hạn 80.006.627 đồng mà Ngân hàng yêu cầu bà T thanh toán phát sinh trực tiếp từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và từ thỏa thuận về lãi suất, lãi quá hạn giữa các bên. Vì vậy, yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi này là yêu cầu phát sinh từ quan hệ hợp đồng và thuộc trường hợp áp dụng thời hiệu khởi kiện theo Điều 429 Bộ luật Dân sự.

Từ ngày Ngân hàng xác định bà T vi phạm nghĩa vụ, chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn ngày 16/10/2011 cho đến ngày Ngân hàng khởi kiện 05/12/2025 đã vượt quá thời hạn 03 năm theo quy định nêu trên.

Tại cấp phúc thẩm, Ngân hàng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh trong thời hạn luật định đã xảy ra sự kiện làm gián đoạn thời hiệu, có căn cứ không tính vào thời hiệu khởi kiện hoặc có căn cứ làm bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện đối với nghĩa vụ thanh toán tiền lãi quá hạn theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc bà Bạch Kim T thanh toán 80.006.627 đồng tiền lãi quá hạn là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 149; Điều 429; Điều 335; Điều 336; Điều 338; khoản 1 Điều 342; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 ngày 14/11/2008;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Bạch Kim T phải trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2 tổng số tiền nợ gốc là 61.054.363 đồng (Sáu mươi mốt triệu không trăm năm mươi bốn nghìn ba trăm sáu mươi ba đồng) theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 27/5/2010, loại thẻ tín dụng quốc tế S3 visa, số tài khoản thẻ: 3532193681.

Việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện hoặc tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận một phần yêu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Bạch Kim T thanh toán số tiền nợ lãi quá hạn là 80.006.627 đồng (T1 mươi triệu không trăm lẻ sáu nghìn sáu trăm hai mươi bảy đồng) do đã hết thời hiệu khởi kiện.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi đối với số tiền 241.332.178 đồng do nguyên đơn rút yêu cầu.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bà Bạch Kim T chịu 3.052.718 đồng (Ba triệu không trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm mười tám đồng).

4.2. Nguyên đơn chịu án phí số tiền 4.000.331 đồng (Bốn triệu ba trăm ba mươi mốt đồng), được cấn trừ vào số tiền nguyên đơn đã nộp theo Biên lai thu số 0050333 ngày 17/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh là 9.559.838 đồng (Chín triệu năm trăm năm mươi chín nghìn tám trăm ba mươi

tám đồng). H lại cho nguyên đơn số tiền 5.559.507 đồng (Năm triệu năm trăm năm mươi chín nghìn năm trăm lẻ bảy đồng).

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

Nguyên đơn chịu án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được cấn trừ vào số tiền nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0031421 ngày 20/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP.HCM;
- Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP.HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Tòa án nhân dân Khu vực 3 TP.HCM;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Kim Dung